

THỰC TRẠNG GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG NĂM THỨ BA NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON Ở MỘT SỐ CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN HIỆN NAY

VŨ THỊ YẾN NHI

Trường Cao đẳng Hải Dương
Email: vuyennhicdhd@gmail.com

Tóm tắt: Để góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên mầm non, cần phải giáo dục giá trị nghề nghiệp trong các trường sư phạm nhằm hình thành ở sinh viên mầm non, những giáo viên mầm non trong tương lai một hệ thống định hướng giá trị nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội. Điều tra và đánh giá thực trạng giá trị nghề nghiệp của sinh viên năm thứ 3 hệ cao đẳng giáo dục mầm non ở một số cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay là việc làm cần thiết nhằm kịp thời đề xuất những biện pháp giáo dục giá trị nghề nghiệp hiệu quả cho sinh viên. Kết quả điều tra cho thấy, một số giá trị nghề nghiệp cốt lõi của sinh viên cao đẳng năm thứ 3 ngành giáo dục mầm non có mức độ biểu hiện còn thấp, không đồng đều và có sự khác biệt nhất định giữa các cơ sở đào tạo.

Từ khóa: Thực trạng; giá trị nghề nghiệp; sinh viên cao đẳng; giáo dục mầm non.

(Nhận bài ngày 03/7/2017; Nhận kết quả phân biện và chỉnh sửa ngày 24/7/2017; Duyệt đăng ngày 25/8/2017).

1. Đặt vấn đề

Trong thực tế xã hội hiện nay, nhiều tấm gương “cô giáo như mẹ hiền” của ngành Giáo dục mầm non (GDMN) được xã hội tôn vinh nhưng cũng không ít giáo viên mầm non chưa có nhận thức đầy đủ về giá trị nghề nghiệp (GTNN) nên hiệu quả lao động chưa cao. Thậm chí, một số giáo viên mầm non còn thiếu trách nhiệm, thiếu cái “tâm” làm tổn hại đến sức khỏe, tinh thần và cả tính mạng của trẻ em. Để khắc phục tình trạng trên, ngay trong quá trình đào tạo giáo viên mầm non, các cơ sở đào tạo cần thấy được tầm quan trọng của việc thực hiện mục tiêu giáo dục GTNN cho sinh viên (SV) ngành GDMN. Mức độ biểu hiện các GTNN trên SV năm thứ 3, giai đoạn cuối trong quá trình đào tạo là minh chứng cho hiệu quả giáo dục GTNN đó. Đánh giá thực trạng GTNN của SV là việc làm cần thiết nhằm tạo nên cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất những biện pháp giáo dục GTNN cho SV ngành GDMN, những giáo viên mầm non tương lai.

2. Thang đo và đánh giá thang đo

Để đánh giá thực trạng GTNN của SV năm thứ ba, ngành GDMN, chúng tôi đã tiến hành một điều tra khảo sát SV và giảng viên chuyên ngành GDMN và rút ra 10 giá trị cốt lõi của nghề giáo viên mầm non. Từ đó, chúng tôi xây dựng một thang đo và tiến hành khảo sát thử nghiệm. Sau khi thử nghiệm, thang đo được đánh giá về độ tin cậy và được điều chỉnh để sử dụng cho khảo sát chính thức.

2.1. Giới thiệu thang đo

Chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ là (5 - Rất giống tôi, 4 - Giống tôi, 3 - Giống tôi phần nào, 2 - Không giống tôi, 1 - Rất không giống tôi) để đo lường Phẩm chất và Năng lực của sinh viên mầm non. Cấu trúc cụ thể gồm 2 thang đo sau:

- Thang đo các giá trị thuộc về phẩm chất nghề gồm 5 miễn đo là:

- + Yêu trẻ: Gồm 5 item câu 1 - 5
- + Yêu nghề: Gồm 5 item 6 - 10
- + Trung thực: Gồm 5 item 11 - 15
- + Kiên trì nhẫn nại: Gồm 5 item 16 - 20
- + Trách nhiệm: Gồm 5 item 21 - 25

- Thang đo các giá trị thuộc về năng lực nghề gồm 5 miễn đo là:

- + Giao tiếp: Gồm 5 item 26 - 30
- + Chăm sóc trẻ: Gồm 5 item 31 - 35
- + Giáo dục trẻ: Gồm 5 item 36 - 40
- + Hợp tác: Gồm 5 item 41 - 45
- + Quản lí: Gồm 5 item 46 - 50

Các item của mỗi thang đo như sau:

Bảng 1: Các item về thang đo

Item	Nội dung item
PHẨM CHẤT	
Yêu trẻ	
1	Cô ấy chỉ thích bế ẵm và chơi với những đứa trẻ xinh xắn sạch sẽ
2	Cô ấy cho rằng, những đứa trẻ khuyết tật không có vẻ gì đáng yêu cả, nên cô ấy không bao giờ âu yếm chúng
3	Cô ấy vui khi tụi trẻ trong lớp hay quần quýt bên mình
4	Cô ấy rất sợ khi dọn vệ sinh cho trẻ bị nôn hoặc đi vệ sinh thiếu tự chủ
5	Cô ấy thường nhớ tụi trẻ trong lớp mỗi khi đi đâu phải xa chúng dù chỉ vài ngày thôi
Yêu nghề	



6	Cô ấy cho rằng là một giáo viên mầm non không có gì đáng để tự hào
7	Cô ấy không có chút năng khiếu nào nhưng vẫn luôn tin rằng với nghề GVMN, cứ yêu nghề sẽ theo được nghề
8	Cô ấy cho rằng chỉ cần có thu nhập cao thì nghề nào cô ấy cũng làm
9	Cô ấy luôn mơ ước trở thành một cô giáo mầm non được trẻ và phụ huynh tin yêu
10	Nếu có cơ hội, cô ấy tính chuyển từ nghề GVMN sang nghề khác
Trung thực	
11	Cô ấy luôn tìm cách đạt thành tích cao, dù có phải nhờ vả hoặc xin được ưu tiên hơn trong đánh giá
12	Khi không may làm trẻ bị tổn thương khiến phụ huynh bức bối, cô ấy thường không nhận lỗi và viện lí do khách quan giải thích để xoa dịu phụ huynh
13	Trẻ mới đi học bỏ ăn, cô ấy thường nói trẻ ăn được không nhiều để phụ huynh không sốt ruột
14	Cô ấy cho rằng, trẻ con chưa hiểu gì nhiều nên có thể nói dối để dọa trẻ, buộc trẻ phải nghe lời
15	Khi bị kiểm tra hồ sơ mà chưa làm, cô ấy chép của đồng nghiệp cho nhanh và để không bị phê bình
Kiên trì nhẫn nại	
16	Cô ấy không dành nhiều thời gian để dỗ một đứa trẻ nín khóc vì cho rằng, trẻ khóc mãi rồi cũng tự nín thôi
17	Cô ấy rất sốt ruột khi thấy trẻ ăn chậm nên thường quát mắng để trẻ ăn nhanh hơn
18	Cô ấy thường che giấu sự tức giận và luôn tỏ ra bình tĩnh
19	Khi làm một việc mà gặp khó khăn, cô ấy sẽ bỏ qua việc ấy cho đỡ mất thời gian
20	Cô ấy có thể bỏ ra nhiều ngày để rèn trẻ cầm bút thuận tay phải
Trách nhiệm	
21	Khi chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của lớp sa sút, cô ấy không nhận trách nhiệm về mình vì cho rằng có nhiều nguyên nhân khác
22	Cô ấy không thức khuya để làm việc, kể cả việc cần ngay vì sợ da xấu và ảnh hưởng đến sức khỏe
23	Nếu hết giờ mà có trẻ chưa được gia đình đón về, cô ấy sẽ gửi trẻ ra phòng bảo vệ và về nhà đúng theo quy định về giờ làm việc
24	Cô ấy thường thức cả trưa để trông trẻ ngủ vì sợ có thể có sự cố xảy ra
25	Trẻ chơi đùa bị ngã cũng khiến cô ấy vô cùng lo lắng
NĂNG LỰC	
Giao tiếp	
26	Cô ấy ngại trò chuyện với phụ huynh mỗi khi đón và trả trẻ
27	Cô ấy khá lúng túng khi gặp các tình huống bất ngờ xảy ra

28	Cô ấy dễ dàng để bắt đầu câu chuyện với một người mới quen
29	Buổi tối, cô ấy thường dành thời gian để chia sẻ, giao lưu với phụ huynh và mọi người qua mạng xã hội
30	Cô ấy ít khi để mắt lòng ai
Chăm sóc trẻ	
31	Cô ấy chưa biết cách dỗ cho trẻ uống thuốc
32	Cô ấy không hiểu tại sao, trời lạnh mà khi ngủ, trẻ không vận động lại đổ mồ hôi
33	Cô ấy làm vệ sinh cơ thể trẻ rất thuận thực
34	Cô ấy luôn để trẻ ăn uống tùy thích
35	Cô ấy cho rằng, cần chăm sóc từng trẻ trong lớp theo đặc điểm riêng
Giáo dục trẻ	
36	Cô ấy sử dụng khá thành thạo các phương tiện dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, phần mềm dạy học...
37	Cô ấy luôn đem đến cho trẻ sự hứng thú khi tham gia học tập
38	Cô ấy có cách truyền đạt dễ hiểu
39	Cô ấy cho rằng dạy học tích hợp với bậc học mầm non là không cần thiết
40	Cô ấy luôn vận dụng sáng tạo các biện pháp giáo dục trẻ
Hợp tác	
41	Cô ấy ít quan tâm đến nhu cầu và nguyện vọng của Phụ huynh, mà thường làm theo quan điểm của mình
42	Cô ấy không muốn làm một việc cùng với các đồng nghiệp khác vì khó tìm được tiếng nói chung
43	Khi xảy ra tranh cãi, cô ấy luôn giữ quan điểm của mình, dù không ai ủng hộ
44	Cô ấy coi trọng sự đoàn kết và sức mạnh của tập thể
45	Cô ấy cởi mở, chan hòa và biết lắng nghe
Quản lí	
46	Cô ấy luôn biết cách đảm bảo an toàn cho trẻ trong lớp
47	Cô ấy không nhớ vị trí và số lượng những tài sản có ở trong lớp
48	Cô ấy sắp xếp và sử dụng có hiệu quả hồ sơ sổ sách cá nhân
49	Cô ấy luôn thuyết phục được người khác và làm cho họ tiếp thu ý kiến của mình
50	Cô ấy thường làm việc theo tùy hứng, không có kế hoạch

Trong thang đo này, có những item được thiết kế thuận chiều (tích cực) và có những item được thiết kế ngược chiều (tiêu cực). Sau khi khảo sát, trong quá trình phân tích, tác giả chuyển các item ngược chiều thành thuận chiều để phù hợp với các phân tích.

2.2. Đánh giá chất lượng thang đo trong khảo sát thử nghiệm

Để xem xét sự phù hợp của bộ công cụ, chúng tôi tiến hành thử nghiệm bộ công cụ bằng cách khảo sát thử bằng hỏi và phỏng vấn sâu: Bảng hỏi sau khi thiết kế và chỉnh sửa, trước khi đưa ra khảo sát chính thức thì được đưa ra thăm dò ý kiến của 100 sinh viên chia đều ở các trường được điều tra. Đồng thời phỏng vấn sâu 5 sinh viên để đánh giá các câu hỏi.

Sau khi có kết quả khảo sát thử nghiệm, việc đánh giá hệ số tin cậy của bảng hỏi bằng hệ số Cronbach's Alpha bằng phần mềm SPSS và phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) để tính độ tin cậy của thang đo và loại bỏ hoặc sửa lại các item có độ tin cậy thấp để tăng độ tin cậy của cả thang đo.

Kết quả khảo sát thử nghiệm, thang đo có độ tin cậy cao trong việc đo lường theo mục đích nghiên cứu. Các item trong thang đo có tính đồng hướng, nhất quán, đo đúng cái cần đo. Trong 50 item theo thiết kế trong khảo sát chính thức, có 47 item có chất lượng tốt, bỏ 3 item C3, C7, C34 nhằm tăng độ tin cậy của cả thang đo. 47 item qua khảo sát thử nghiệm được đánh giá có chất lượng tốt theo mục đích thiết kế ban đầu. Như vậy, trong khảo sát chính thức, 47 item này, với cấu trúc như thiết kế trong phiếu hỏi ban đầu sẽ được sử dụng.

2.3. Đánh giá thang đo trong khảo sát chính thức

Sau khi được thử nghiệm, bảng hỏi được đưa ra khảo sát chính thức. Mẫu nghiên cứu của khảo sát chính thức là 218 sinh viên năm thứ 3 của các trường: Cao đẳng Trung ương 1, Cao đẳng Nha Trang, Cao đẳng Sài Gòn, Cao đẳng Hải Dương, Đại học Hồng Đức. Các phiếu thu lại được kiểm tra thô, nếu phiếu nào không trả lời quá 80% câu hỏi thì bị loại. Kết quả làm sạch cho kết quả có 02 phiếu không đảm bảo trả lời 80% số câu hỏi của phiếu hỏi. Như vậy, mẫu phân tích cho khảo sát chính thức là 216 sinh viên.

Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS thấy hệ số tin cậy của toàn thang đo là cao 0.872. Hệ số tin cậy của từng thang đo Phẩm chất, Năng lực cũng đảm bảo yêu cầu như đã nêu (Hệ số Cronbach's Alpha lần lượt là 0,783 và 0,814).

Bảng 2: Bảng thống kê hệ số alpha trong điều tra chính thức

Các thang đo	Hệ số tin cậy	Số lượng item
Thang đo Phẩm chất	0.783	23
Thang đo Năng lực	0.814	24
Toàn thang đo	0.872	47

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho kết quả các item trong các miền đo thuộc về một cấu trúc (factor), tương quan của các biến trong mỗi cấu trúc cao. Trong 47 item sẽ thuộc về 10 nhân tố. Tóm lại, dữ liệu trong khảo sát chính thức đảm bảo tin cậy cho các phân tích tiếp theo.

3. Kết quả khảo sát

Vì sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (5 - Rất giống tôi, 4 - Giống tôi, 3 - Giống phần nào, 2 - Không giống tôi, 1 - Rất không giống tôi) nên giá trị trung bình của

mỗi nhân tố có khoảng cách giữa các mức bằng 0.8 theo công thức $(5-1)/5 = 0.8$.

Như vậy, giá trị trung bình của mỗi nhân tố và ý nghĩa của nó sẽ là:

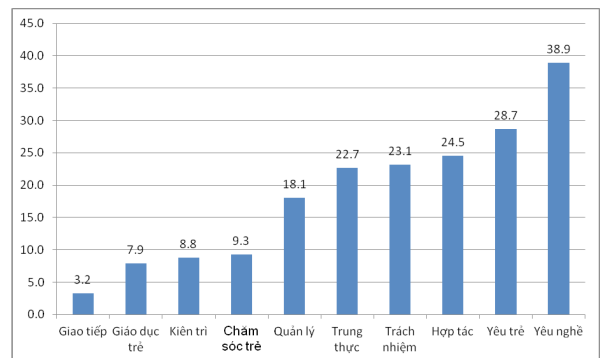
- 1.00 - 1.80 Rất không giống tôi Kém
- 1.81 - 2.60 Không giống tôi Yếu
- 2.61 - 3.40 Giống phần nào Trung bình
- 3.41 - 4.20 Giống tôi Khá
- 4.21 - 5.00 Rất giống tôi Tốt

3.1. Thực trạng mức độ biểu hiện các giá trị nghề nghiệp cốt lõi theo tự đánh giá của sinh viên

Bảng 3: Tỷ lệ % tự đánh giá "tốt" của SV về các GTNN cốt lõi

Các giá trị	Mức độ				
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
Yêu trẻ	.5	1.4	15.3	54.2	28.7
Yêu nghề	.5	1.9	16.2	42.6	38.9
Trung thực	.5	.5	21.3	55.1	22.7
Kiên trì	.5	2.8	22.7	65.3	8.8
Trách nhiệm		.5	9.3	67.1	23.1
Giao tiếp		7.4	52.8	36.6	3.2
Chăm sóc trẻ		6.5	23.6	60.6	9.3
Giáo dục trẻ		.9	35.6	55.6	7.9
Hợp tác		1.9	13.4	60.2	24.5
Quản lý		2.3	22.7	56.9	18.1

Theo số liệu ở Bảng 3 và Hình 1, các giá trị được đa số SV tự tin đánh giá ở mức tốt hơn cả là yêu nghề, yêu trẻ. Với chiều ngược lại, những giá trị nghề nghiệp SV cảm thấy thiếu tự tin nhất lần lượt là giao tiếp, giáo dục trẻ, kiên trì, chăm sóc trẻ. Các giá trị còn lại ở mức trung bình và xấp xỉ nhau bao gồm: Quản lý, trung thực, trách nhiệm và hợp tác. Kết quả này phản ánh khác khách quan những biểu hiện trong thực tế, bởi lòng yêu nghề, yêu trẻ là những giá trị thuộc về phẩm chất nghề, đa số SV đã có trước khi vào trường sư phạm. Trong khi đó, các giá trị giao tiếp, giáo dục trẻ, chăm sóc trẻ, kiên trì phải được rèn luyện qua một quá trình chủ thể tương tác với

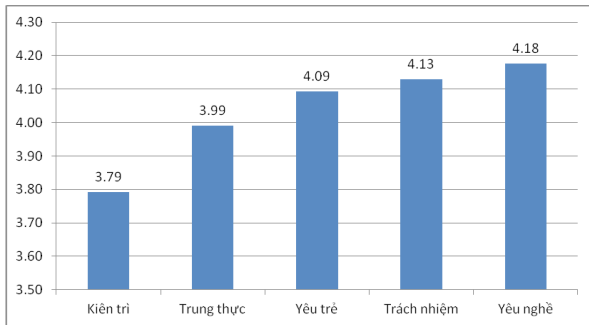


Hình 1: Tỷ lệ % SV mầm non tự đánh giá "tốt" ở các GTNN cốt lõi



nhiều sự việc và đối tượng mới có được. Với những SV năm thứ 3, là thời điểm sắp tốt nghiệp, thì việc một số giá trị nghề nghiệp cốt lõi còn có biểu hiện ở mức thấp, trong đó có 2 giá trị mang tính kĩ năng nghề đặc trưng và bắt buộc là “chăm sóc trẻ” chỉ với 9.3% SV tự đánh giá ở mức tốt, và “giáo dục trẻ” chỉ với 7.9% SV tự đánh giá ở mức tốt, là một kết quả khá bất ngờ, cho thấy trên 90% SV rất thiếu tự tin với năng lực nghề nghiệp của mình. Báo động nhất là giá trị giao tiếp, chỉ 3.2% SV tự đánh giá ở mức tốt. Năng lực giao tiếp với nghề giáo viên mầm non là rất quan trọng bởi đặc thù nghề này cần giao tiếp với nhiều đối tượng (trẻ em, đồng nghiệp, phụ huynh, cộng đồng...) với cường độ lớn, thường xuyên. Giao tiếp tốt được coi là một trong những bí quyết thành công của nghề giáo viên mầm non.

Như vậy, có thể thấy, đa số SV năm thứ 3 chưa tự tin với các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. Phẩm chất được SV tự đánh giá tốt với tỉ lệ nhiều nhất là “Yêu nghề” cũng chỉ có 38.9%. Trong khi đó, nhiều năng



Hình 2: Trung bình đánh giá của SV về mức độ biểu hiện các giá trị phẩm chất nghề nghiệp

Bảng 4: Tổng quan đánh giá của SV về các giá trị phẩm chất nghề nghiệp

Các giá trị	N		Mean	Std. Deviation	Minimum	Maximum	
	Valid	Missing					
Phẩm chất	Yêu trẻ	216	0	4.09	0.73	1.00	5.00
	Yêu nghề	216	0	4.18	0.80	1.00	5.00
	Trung thực	216	0	3.99	0.71	1.00	5.00
	Kiên trì	216	0	3.79	0.65	1.00	5.00
	Trách nhiệm	216	0	4.13	0.57	2.00	5.00

Bảng 5: Tổng quan đánh giá của SV về các GT năng lực nghề nghiệp

Nhân tố	N		Mean	Std. Deviation	Minimum	Maximum	
	Valid	Missing					
Năng lực	Giao tiếp	216	0	3.36	0.67	2.00	5.00
	Chăm sóc trẻ	216	0	3.73	0.72	2.00	5.00
	Giáo dục trẻ	216	0	3.70	0.62	2.00	5.00
	Hợp tác	216	0	4.07	0.67	2.00	5.00
	Quản lí	216	0	3.91	0.70	2.00	5.00

lực cốt lõi của nghề như chăm sóc, giáo dục, giao tiếp lại chiếm tỉ lệ khá khiêm tốn, dưới 10% SV tự đánh giá ở mức độ tốt.

3.2. Trung bình đánh giá của sinh viên về mức độ biểu hiện các giá trị nghề nghiệp

Kết quả trên cho thấy trong 05 giá trị về phẩm chất nghề nghiệp, SV tự đánh giá mức độ biểu hiện của giá trị yêu nghề là cao nhất (4.18). Đây là một tín hiệu đáng mừng vì lòng yêu nghề là giá trị cốt lõi và quan trọng nhất của định hướng GTNN. Tuy nhiên, với mức điểm là 4.18 thì giá trị này vẫn chỉ dừng lại ở mức khá. Tương tự như vậy, các giá trị có mức độ biểu hiện theo thứ tự giảm dần là: Trách nhiệm, yêu trẻ, trung thực, kiên trì, nhưng sự chênh lệch giữa chúng với nhau không nhiều và đều đạt ở mức khá.

3.3. Trung bình đánh giá của sinh viên về mức độ biểu hiện các giá trị năng lực nghề nghiệp

Kết quả tự đánh giá của SV về các giá trị năng lực nghề nghiệp có độ chênh lệch không đáng kể giữa các giá trị, trong đó cao nhất là năng lực hợp tác với 4.07 (đạt loại khá) và thấp nhất là năng lực giao tiếp với 3.36. Với số điểm 3.36, năng lực giao tiếp đã trở thành năng lực thấp nhất trong 5 năng lực nghề nghiệp, đồng thời cũng thấp nhất trong cả 10 giá trị (cả về phẩm chất và năng lực nghề). Các năng lực còn lại (giáo dục trẻ, chăm sóc trẻ, quản lí) đều được SV tự đánh giá đạt mức khá.

3.4. Trung bình đánh giá của sinh viên một số trường về những giá trị nghề giáo viên mầm non

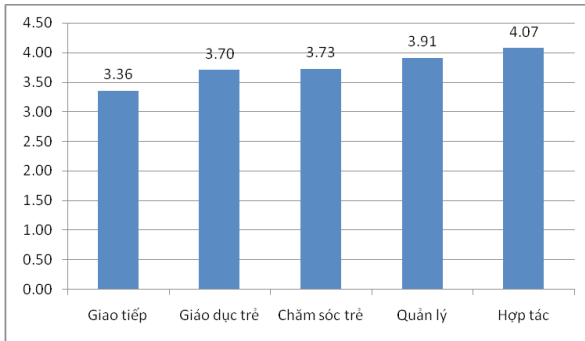
Quá trình điều tra khảo sát thực trạng mức độ các GTNN của SV năm thứ 3 được tiến hành tại 05 cơ sở đào tạo, trong đó có đại diện của cả 03 miền Bắc - Trung - Nam của Việt Nam. Kết quả khảo sát được xử lý cụ thể như sau:

3.4.1. Trung bình đánh giá của sinh viên các trường về các giá trị phẩm chất nghề

Kết quả của Bảng 6 cho thấy, qua so sánh đối chiếu có sự chênh lệch không đáng kể giữa mức độ tự đánh giá của SV từng trường về các giá trị phẩm chất nghề.

3.4.2. Trung bình đánh giá của sinh viên các trường mầm non về các giá trị năng lực nghề

Kết quả của Bảng 7 cho thấy, với các giá trị về năng lực nghề, SV hệ Cao đẳng - Đại học Sài Gòn tự đánh giá có mức độ thấp hơn so với các trường khác, trong khi SV Cao đẳng Sư phạm Trung ương có mức độ đánh giá cao hơn ở hầu hết các giá trị. Sự khác biệt này một phần thể hiện tính vùng miền và thể hiện



Hình 3: Trung bình đánh giá của SV về các giá trị năng lực nghề nghiệp

Bảng 6: Trung bình đánh giá các giá trị phẩm chất nghề của SV các trường

Trường	Yêu trẻ	Yêu nghề	Trung thực	Kiên trì	Trách nhiệm
Cao đẳng Hưng Yên	4.14	4.21	3.89	3.89	4.07
Cao đẳng Sư phạm Trung ương	4.34	4.28	4.21	3.79	4.06
Cao đẳng Sư phạm Nha Trang	4.20	4.06	3.92	3.88	4.37
Đại học Hồng Đức	3.64	4.21	4.06	3.98	4.17
Đại học Sài Gòn	4.16	4.13	3.82	3.44	3.93
Tổng	4.09	4.18	3.99	3.79	4.13

chất lượng đào tạo của các trường là có sự khác biệt.

4. Kết luận

Nhìn chung, mức độ biểu hiện các GTNN cốt lõi của SV cao đẳng năm thứ 3 chuyên ngành GDMN tại một số cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay chưa đồng đều, trong đó SV tự đánh giá cao nhất là giá trị thuộc về phẩm chất yêu nghề và thấp nhất là giá trị thuộc về năng lực giao tiếp. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự

Bảng 7: Trung bình đánh giá các giá trị về năng lực của SV các trường

Trường	Giao tiếp	Chăm sóc trẻ	Giáo dục trẻ	Hợp tác	Quản lý
Cao đẳng Hưng Yên	3.29	4.07	3.54	4.04	3.75
Cao đẳng Sư phạm Trung ương	3.49	3.89	3.81	4.06	4.04
Cao đẳng Sư phạm Nha Trang	3.43	3.63	3.80	4.37	4.16
Đại học Hồng Đức	3.43	3.64	3.81	4.11	4.00
Đại học Sài Gòn	3.11	3.53	3.49	3.76	3.49
Tổng	3.36	3.73	3.70	4.07	3.91

chênh lệch trong tự đánh giá về GTNN của SV các trường được điều tra khảo sát với nhau.

Từ thực trạng trên, các nhà nghiên cứu, các nhà trường sư phạm đào tạo giáo viên mầm non cần nhận rõ mục tiêu của mình trong giáo dục sinh viên mầm non về định hướng giá trị nghề nghiệp, trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp, khơi dậy lòng yêu nghề cho sinh viên mầm non, để họ trở thành những cô giáo mầm non vững tay nghề và yêu nghề sau khi tốt nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2008), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/1/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2]. Phạm Minh Hạc, (2009), *Giá trị học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thị Hòa, (2009), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Hồ Lam Hồng, (2008), *Giáo trình nghề giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

THE CURRENT STATUS OF CAREER VALUES IN THIRD-YEAR STUDENTS IN PRE-SCHOOL EDUCATION MAJOR, IN SOME CURRENT TEACHERS' TRAINING INSTITUTIONS

VU THI YEN NHI
 Hai Duong College
 Email: vuyennhicdhd@gmail.com

Abstract: To improve quality of preschool teachers, career values should be taught at pedagogical universities in order to form an appropriate system of career values, meet the requirements of social practice for pre-school students-future preschool teachers. Doing surveys and assessment of the current status of career values in third-year students in pre-school education major, in some current teachers' training institutions is essential to promptly propose educational measures in effective career values for students. The results of the survey showed that some of these students' core career values were low expressed, unequal with certain differences among establishments.

Keywords: Current status; career values; students at colleges; pre-school education major.